

**GRAHAM ROAD ELEMENTARY SCHOOL
TITLE I HOME-SCHOOL COMPACT**

**Staff Member's Responsibilities
Trách nhiệm nhân viên trường
Responsabilidad de los Empleados**

I will:

Tôi sẽ:

Yo debo:

- **Treat all of our students, parents/guardians and colleagues in the school community with respect.**
- Phải đối đãi với Học Sinh/Phụ Huynh/Giám Hộ và Đồng Nghiệp với thái độ lịch sự.
- Tratar con respeto a todos los estudiantes, padres de familia/representantes y colegas en la escuela comunitaria.

- **Provide high-quality curriculum for every child, as defined by the state, the division, and by our focus school objectives**
- Phải dạy dỗ thật tận tâm cho từng mỗi em học sinh, như chỉ định của Liên Bang, Bộ và chú trọng đến vấn đề giáo dục.
- Proporcionar una educación de alta calidad a cada niño/a como define el Estado, la division escolar y nuestros objetivos escolares.

- **Provide an effective teaching-learning environment that enables our students to meet division, state and federal grade-level benchmarks**
- Phải dạy dỗ học sinh theo chương trình lớp đòi hỏi/sâu sắc đề học sinh hiểu biết sự học còn phải tiếp tục lâu dài
- Proporcionar un ambiente de enseñanza- aprendizaje efectivo, que permita que nuestros estudiantes cumplan y superen los requisitos establecidos para el grado y adquieran una actitud de aprendizaje permanente.

- **Provide an inclusive caring, safe environment for all of our students.**
- hải chăm sóc cẩn thận an toàn, chung quanh vùng học sinh được an ninh.
- Proveer un ambiente seguro y una atención completa para todos nuestros estudiantes.

- **Communicate with parents/guardians about student progress by phone, email, newsletters, conferences, agenda books, Thursday packets, and progress reports.**
- Phải năng đối thoại với Phụ Huynh / Giám Hộ về tiến bộ của học sinh bằng điện thoại, điện thư, tờ liên lạc, buổi họp, sách bài tập ở nhà, Tuí tin tức Thứ Năm, và phiếu điểm.
- Comunicarse con los padres/tutores sobre el progreso de los estudiantes mediante el teléfono, correo electrónico, folletos informativos, conferencias, agenda escolar, paquete informativo del día jueves y libreta de calificaciones.

- **Provide information about education and school events to parents/guardians through Partners in Print, grade-level meetings, principals' coffees, Keep in Touch, and Thursday packets.**
- Phải giúp phát triển sự hiểu biết về sự học của trường cho Phụ Huynh/Giám học qua những buổi họp Người Cộng Tác Đọc Sách (Partners in Print), Buổi họp về mức học của lớp, uống café với Hiệu Trưởng, Cần thiết gặp gỡ (Keep in Touch), và Tuí tin tức Thứ Năm.
Proveer información educativa y eventos escolares a los padres/tutores a través del programa “Compañeros en la Escritura y Lectura”, reuniones de grado, cafés con la directora, paquetes de los jueves y una comunicación permanente.

Parent's & Guardian's Responsibilities
Trách nhiệm Phụ Huynh/Giám Hộ
Responsabilidad de los Padres de Familia/Representantes

I will:

Tôi sẽ:

Yo debo:

- **Make sure that my child is in school, dressed appropriately, before 8:30 am each morning.**
- Phải biết chắc con,em đi học, áo quần sạch sẽ, trước 8:30 am mỗi ngày.
- Asegurarme que mi hijo este en la escuela antes de las 8:30 am y vestido apropiadamente cada mañana.

- **Check my child's agenda book each evening to see what the teacher(s) has assigned for homework.**
- Phải kiểm soát tập ghi bài tập ở nhà hằng ngày (agenda book) để xem giáo viên ra bài tập ở nhà và chỉ thị hằng ngày.
- Revisar la agenda escolar de mi hijo todas las tardes para saber que tareas ha enviado el profesor/a.

- **Sign my child's agenda book each evening after seeing that my child has finished the homework.**
- Ký tên vào tập ghi bài tập ở nhà sau khi giáo viên ra chỉ thị và học sinh đã làm xong bài tập ở nhà.
- Firmar la agenda escolar de mi hijo todas las noches después de revisar que haya terminado todas las tareas.

- **Let the teacher know when my child is having trouble doing homework or having a problem at school, using a note in the agenda book, a phone call or an email.**
- Phải cho giáo viên biết khi học sinh không hiểu bài tập ở nhà, viết ghi chú vào sách ghi bài tập ở nhà, điện thoại hay điện thư.
- Informarle al profesor/a cuando mi hijo tenga dificultades con sus tareas, problemas en la escuela, enviando una nota en la agenda escolar, un correo electrónico o llamando por teléfono.

- **Look at all papers in the Thursday Packet each week, sign the front of the packet & return it no later than the following Monday morning.**
- Đọc tin tức trong Túi Thứ Năm mỗi tuần, ký tên trên hàng của tuần, gửi trở lại cho giáo viên của học sinh không quá ngày thứ hai.
- Revisar cada semana todos los papeles del paquete informativo de los días jueves, firmar en la parte del frente del paquete y devolverlo a más tardar el siguiente lunes por la mañana.

- **Attend Back-to School Night in August and meet with my child's teacher in October.**
- Hiện diện vào buổi Đêm trở lại thăm trường(back to school night) vào tháng Tám và để gặp mặt giáo viên mới của học sinh vào tháng Mười và gặp mặt giáo viên khi cần thiết.
- Asistir a la noche de regreso a la escuela, que se realizará en agosto y reunirme con el profesor/a de mi hijo/a en octubre

- **Make sure that my child reads for at least 20 minutes every evening.**
- Phải chắc chắn con,em đọc sách mỗi tối 20 phút.
- Asegurarme que mi hijo lea por lo menos 20 minutos diarios.

Student's Responsibilities
Trách nhiệm của Học Sinh
Responsabilidad de los estudiantes

I will:

Tôi sẽ:

Yo debo:

- **Treat all adults and students in the school and at home with respect.**
- Phải cư xử với mọi người lớn và học sinh khác ở trường cũng như ở nhà với thái độ lịch sự và lễ phép.
- Tratar con respeto a todos los adultos y estudiantes en la escuela y en la casa.

- **Treat the school building and all items in the school with respect.**
- Phải gìn giữ trường học và đồ dùng trong trường cẩn thận.
- Tratar al edificio y todos los objetos de la escuela con respeto.

- **Cooperate with other students and adults to make school a safe place.**
- Phải hợp tác với bạn bè và người lớn để gìn giữ trường được an toàn.
- Cooperar con otros estudiantes y adultos para que la escuela sea un lugar seguro.

- **Write my homework in agenda book each day and show my parents.**
- Phải hợp tác với bạn bè và người lớn để gìn giữ trường được an toàn.
- Anotar todos los días mis deberes en mi agenda escolar y enseñarla a mis padres.

- **Show responsibility by doing all of my homework, all my class work & following directions.**
- Chứng tỏ tinh thần trách nhiệm thi hành bài tập hằng ngày tại nhà, bài tập ở trường & vâng lời cha mẹ.
- Demostrar responsabilidad hacienda mis tareas, el trabajo en la clase y siguiendo las instrucciones de mis profesores.

- **Expect to learn and improve in my knowledge and skills each day.**
- Chăm chỉ học hành và tiến bộ sự hiểu biết và tài năng mỗi ngày.
- Esperar aprender y mejorar mis conocimientos y habilidades cada día.

- **Be in my homeroom no later than 8:30 am everyday and ready to learn.**
- Có mặt tại lớp học mỗi ngày không được trễ sau 8:30 am và sẵn sàng học hành.
- Llegar a mi clase todos los días hasta las 8:30 am y estar preparado para aprender.

- **Talk with a teacher or another adult if I need help with my work or any problem.**
- Hỏi thầy, cô hay người lớn nếu tôi cần giúp đỡ với bài học hay vấn đề gì khác
- Hablar con un profesor u otro adulto si necesito ayuda con mi tarea o cualquier otro problema.

Teacher Signature
Firma del Profesor/a

Parent/Guardian Signature
Firma del Padre de Familia/Representante

Student Signature Firma del estudiante